

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05/02/2021

“V/v: Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Liên**; ông **Phạm Tiến Lợi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Luân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:
Bà **Triệu Thị Hồng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 539/2020/TLST-HNGĐ ngày 23/11/2020 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/01/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1977; Có mặt

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1977; Vắng mặt

ĐKKHKT và cư trú: Thôn PL, xã ĐL, huyện C, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2020, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Chị Trần Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Nguyễn Văn Th** tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/10/2000 tại UBND xã ĐL, huyện C, Hà Nội.

Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2019 thì xảy ra mâu thuẫn và luôn bất đồng quan điểm, cãi nhau làm ảnh hưởng đến con. Anh chị tuy sống

chung sống một nhà, nhưng đã ly thân được 22 tháng, không quan tâm đến nhau. Chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh Th, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị và anh Th có ba con chung là: Nguyễn Thị H, sinh ngày 22/01/2002; Nguyễn Văn H, sinh ngày 18/01/2013 và Nguyễn Thu H, sinh ngày 18/5/2006.

Đối với cháu H đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc nuôi dưỡng cháu H, H: Hiện nay chị đang làm Giáo viên mầm non tại Trường mầm non T; thu nhập bình quân 01 tháng là 8.000.000 đồng; hàng tháng chị vẫn phải trả nợ cho anh Th để lấy sổ lương về, nên chị không có khả năng nuôi dưỡng, cấp dưỡng cho con chung sau ly hôn, nên vợ chồng chị đã thỏa thuận là để hai cháu tiếp tục ở với anh Th.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn – Anh Nguyễn Văn Th trình bày:** Anh và chị Trần Thị N kết hôn vào ngày 10/10/2000 tại UBND xã ĐL, huyện C, Hà Nội.

Cuộc sống vợ chồng của anh chị bình thường, chỉ hơn một năm nay có mâu thuẫn nhỏ. Chị N làm đơn xin ly hôn với anh thì anh đề nghị Tòa án giải quyết, chứ anh không muốn vì anh thương con.

Về con chung: anh và chị N có ba con chung là: Nguyễn Thị H, sinh ngày 22/01/2002; Nguyễn Văn H, sinh ngày 18/01/2013 và Nguyễn Thu H, sinh ngày 18/5/2006. Anh có nguyện vọng được nuôi cả ba con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh còn nợ nhiều nhưng anh tự trả.

* Cháu Nguyễn Văn H và Nguyễn Thu H đều có nguyện vọng được ở với cả bố và mẹ.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị đơn không chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị N được ly hôn với anh Th; Giao cháu Nguyễn Văn H và Nguyễn Thu H cho anh Nguyễn Văn Th nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; Chị Trần Thị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi hai con chung cho chị N cho đến khi có yêu cầu khác. Về án phí: chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Trần Thị N có đơn khởi kiện đối với anh Nguyễn Văn Th về việc xin ly hôn, nuôi con sau ly hôn nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, nuôi con sau ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn – Anh Th có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã ĐL, huyện C, Thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn - Anh Nguyễn Văn Th: Đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc. Anh Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Th.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/10/2000 tại UBND xã ĐL, huyện C, Hà Nội, tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Chị N cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm, cãi nhau, sống chung một nhà nhưng vợ chồng đã ly thân 22 tháng, không ai quan tâm đến ai. Anh Th cho rằng vợ chồng mâu thuẫn nhỏ, nhưng không thể hiện quan điểm tha thiết xin đoàn tụ trước yêu cầu xin ly hôn của chị N, cũng không đến Tòa án làm việc, hòa giải khắc phục quan hệ vợ chồng. Xét mâu thuẫn giữa chị N và anh Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị N được ly hôn với anh Th.

[2.2] Về con chung: Anh Th và chị N có ba con chung là: Nguyễn Thị H, sinh ngày 22/01/2002; Nguyễn Văn H, sinh ngày 18/01/2013 và Nguyễn Thu H, sinh ngày 18/5/2006.

Cháu Nguyễn Thị H đã thành niên và không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với cháu H, H: Hiện cả hai đang ở chung cùng với bố mẹ và có nguyện vọng đều muốn ở cùng cả bố mẹ. Tuy nhiên, sau khi ly hôn chị N có quan điểm đi ở nhờ chỗ khác, không có điều kiện về chỗ ở để chăm sóc nuôi dạy các con, muốn để hai con ở lại với anh Th để cho ổn định. Anh Th có quan điểm được nuôi cả hai con. Xét thấy, để đảm bảo việc sinh sống, học tập của cháu H, cháu H được ổn định, nên Hội đồng xét xử giao cháu H, Hiền cho anh Th nuôi dưỡng, chăm sóc.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị N có quan điểm hiện tại điều kiện kinh tế của chị còn khó khăn, phải trả nợ, không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Th. Anh Th không thể hiện quan điểm yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Th, nếu anh Th có yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung thì được giải quyết trong vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N, anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chị Trần Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

2. Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn Th có ba con chung là: Nguyễn Thị H, sinh ngày 22/01/2002; Nguyễn Văn H, sinh ngày 18/01/2013 và Nguyễn Thu H, sinh ngày 18/5/2006.

Giao cháu Nguyễn Văn H và Nguyễn Thu H cho anh Nguyễn Văn Th nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Trần Thị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở;

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung : Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi hai con chung Nguyễn Văn H và Nguyễn Thu H cho chị N cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu khác.

4. Về tài sản chung; công nợ chung: Không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị N phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được đối trừ với 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo “Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số AA/2018/10332 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ ngày 20/11/2020.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã ĐL (Số 15/2000);
- Lưu: Hồ sơ /V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai